

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/KDTM-ST

Ngày: 16 - 8 - 2023

V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mai Lan

2. Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2022/TLST-KDTM ngày 15/11/2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2023/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 288/2023/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty CP Sản xuất Kinh doanh thiết bị điện A. Địa chỉ: Số KCN An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số đường Tôn Thất Tùng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Kỹ thuật điện tự động B.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Hoàng Quốc H, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Số Đường số 12, Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Văn Đ trình bày:

Ngày 14/10/2020, Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh thiết bị điện A (gọi tắt là Công ty A) và Công ty TNHH Kỹ thuật điện tự động B (gọi tắt là Công ty B) có ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 265/10/20/HĐ/A-ATV về việc Công ty A cung cấp hàng hóa là Cáp DC 1500VDC 4mm² (H1Z2Z2-K-4-1,5kV), giá trị hợp đồng là 2.002.000.000 (Hai tỷ không trăm lẻ hai triệu) đồng, bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty A đã tiến hành giao hàng nhưng Công ty B không thanh toán đúng hạn. Ngày 19/01/2022, hai bên công ty đã tiến hành đối chiếu công nợ, theo đó Công ty B còn nợ Công ty A số tiền đến ngày 19/01/2022 là 238.564.040 (Hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm sáu mươi tư ngàn không trăm bốn mươi) đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn thiếu là 238.564.040 (Hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm sáu mươi tư ngàn không trăm bốn mươi) đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 57.255.000 (Năm mươi bảy triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn) đồng tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 16/8/2023. Yêu cầu trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngày 11/02/2023, nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án tuyên chấm dứt Hợp đồng mua bán hàng hóa số 265/10/20/A-ATV ngày 14/10/2020.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự cho thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 238.564.040 (Hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm sáu mươi tư ngàn không trăm bốn mươi) đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 57.255.000 (Năm mươi bảy triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn) đồng tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 16/8/2023. Yêu cầu trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ Hợp đồng mua bán hàng hóa và Biên bản xác nhận công nợ giữa hai bên thể hiện bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền như nguyên đơn yêu cầu và yêu cầu tính lãi suất 09%/năm. Đồng thời do bị đơn vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn Công ty CP Sản xuất Kinh doanh thiết bị điện A khởi kiện Công ty TNHH Kỹ thuật Điện tự động B về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn Công ty TNHH Kỹ thuật Điện tự động B có trụ sở chính tại quận Gò Vấp. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Công ty TNHH Kỹ thuật Điện tự động B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Công ty TNHH Kỹ thuật Điện tự động B.

[3] *Về nội dung:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền mua hàng còn thiếu là 238.564.040 (Hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm sáu mươi tư ngàn không trăm bốn mươi) đồng và tiền lãi do chậm trả là 57.255.000 (Năm mươi bảy triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn) đồng tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 16/8/2023, yêu cầu trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng mua bán hàng hóa số 265/10/20/HĐ/A-ATV ngày 14/10/2020 thể hiện Công ty A cung cấp hàng hóa là cáp DC 1500VDC 4mm2 (H1Z2Z2-K-4-1,5kv) cho Công ty B, giá trị hợp đồng là 2.002.000.000 (Hai tỷ không trăm lẻ hai triệu) đồng bao gồm thuế giá trị gia tăng. Quá trình thực hiện

hợp đồng Công ty A đã tiến hành giao hàng nhưng Công ty B không thanh toán đúng hạn.

Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 19/01/2022 thể hiện Công ty B còn nợ Công ty A số tiền tính đến ngày 19/01/2022 là 238.564.040 (Hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm sáu mươi tư ngàn không trăm bốn mươi) đồng.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định bị đơn còn thiếu nguyên đơn số tiền 238.564.000 (Hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm sáu mươi tư ngàn) đồng. Do đó xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua hàng còn thiếu là 238.564.000 (Hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm sáu mươi tư ngàn) đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền trả lãi chậm thanh toán, tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả, với mức lãi suất là 9%/năm tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 16/8/2023 là 57.255.000 (Năm mươi bảy triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn) đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, như đã phân tích ở trên, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2021 là phù hợp khoản 1 Điều 55 Luật Thương mại. Yêu cầu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất 9%/năm của nguyên đơn là phù hợp với mức lãi suất liên ngân hàng tại thời điểm xét xử và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên chấm dứt Hợp đồng mua bán hàng hóa số 265/10/20/A-ATV. Xét hai bên đã thực hiện đối chiếu công nợ với nhau, bị đơn vi phạm hợp đồng nên yêu cầu chấm dứt Hợp đồng mua bán hàng hóa số 265/10/20/A-ATV ngày 14/10/2020 là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty B phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 14.790.950 (Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi ngàn chín trăm năm mươi) đồng.

Yêu cầu của Công ty A được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn là 7.423.125 (Bảy triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn một trăm hai mươi lăm) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0012054

ngày 15/11/2022 và 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0012810 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 50, Điều 55, Điều 306, của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty TNHH Kỹ thuật Điện tự động B trả cho Công ty CP Sản xuất Kinh doanh thiết bị điện A số tiền là 295.819.000 (Hai trăm chín mươi lăm triệu tám trăm mười chín ngàn) đồng, trong đó: Tiền gốc 238.564.000 (Hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm sáu mươi tư ngàn) đồng, tiền lãi là 57.255.000 (Năm mươi bảy triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Chấm dứt Hợp đồng mua bán hàng hóa số 265/10/20/A-ATV ngày 14 tháng 10 năm 2020 giữa Công ty TNHH Kỹ thuật Điện tự động B và Công ty CP Sản xuất Kinh doanh thiết bị điện A kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Kỹ thuật Điện tự động B phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 14.790.950 (Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi ngàn chín trăm năm mươi) đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn là 7.423.125 (Bảy triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn một trăm hai mươi lăm) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0012054 ngày 15/11/2022 và 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0012810 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp

4. Về quyền kháng cáo: Công ty CP Sản xuất Kinh doanh thiết bị điện A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH Kỹ thuật Điện tự động B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Loan